TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **283**/2023/DS-ST
Ngày 18 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận.

Ông Phạm Việt Bắc.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2023/TLST-DS ngày 14/6/2023 về việc *"Tranh chấp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2023/QĐXXST-DS ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

1. N đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 10, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

N đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 của N đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 15/10/2016 âm lịch bị đơn có mở 01 dây hụi, loại 1.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 21 chưng, N đơn tham gia chơi 01 chưng. Quá trình khui hụi thì N đơn đóng hụi đầy đủ 16 lần hụi thì bị đơn tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi thì bị đơn có làm "Giấy nợ ngày 04/02/2018" thừa nhận nợ N đơn 16.000.000 đồng. Kể từ ngày làm giấy nhận nợ bị đơn có trả cho N đơn 1.600.000 đồng và lấy tài sản trừ giá trị 500.000 đồng (vấn đề này N đơn thừa nhận). Còn lại số tiền 13.900.000 đồng đến nay không trả.

N đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho N đơn số tiền hụi 13.900.000 đồng.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử (nhưng đều từ chối nhận các văn bản tố tụng) và đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* N đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán tiền nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của N đơn:*

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án N đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ *"Giấy nợ ngày 04/02/2018"*, tại giấy nhận nợ thể hiện bị đơn thừa nhận có nợ N đơn 16.000.000 đồng hụi. Quá xem xét đối chiếu với lời trình bày của N đơn thì khoản nợ hụi là hoàn toàn phù hợp với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn biết được việc N đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu khởi kiện của N đơn, nhưng bị đơn từ chối nhận giấy mà không nêu rõ lý do và cũng không có ý kiến phản đối hay cung cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho N đơn (N đơn thừa nhận bị đơn có trả được 2.100.000 đồng). Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ N đơn số tiền hụi 13.900.000 đồng chưa thanh toán.

[4.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo thỏa thuận giữa các bên sau khi đình hụi, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho N đơn số tiền hụi 13.900.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho N đơn số tiền hụi 13.900.000 đồng.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của N đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với

yêu cầu khởi kiện của N đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, N đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của N đơn ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bị đơn bà Đoàn Thị N có trách nhiệm trả cho N đơn ông Nguyễn Thanh T số tiền hụi 13.900.000 đồng.

Kể từ ngày N đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Đoàn Thị N phải nộp là 695.000 đồng (Chưa nộp).

- N đơn ông Nguyễn Thanh T thuộc trường hợp được miễn dự nộp tạm ứng án phí và án phí.

3. N đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải